

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS-ST

Ngày: 15-11-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp và hợp đồng vay tài sản giữa ông P với ông T, bà S.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Liêu Văn Lộc

Bà Trần Thị Quế Minh

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp, Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 241/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 199/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Đ D P, sinh năm 1986

CMND số 351727302 do công an tỉnh An Giang cấp ngày 07-7-2017

Nơi cư trú: Tổ 15, ấp V P, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14-11-2022

2.Bị đơn: 1/ Ông ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021

CMND số 351690039 do công an tỉnh An Giang cấp ngày 03-5-2018

2/ Bà Đ T S, sinh năm 1960

CMND số 351741000 do công an tỉnh An Giang cấp

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14-11-2022

Nơi cư trú: Tổ 02, ấp V L, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021):

1/ Bà Đ T S, sinh năm 1960

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14-11-2022

2/ Anh N V T, sinh năm 1982

Vắng mặt tại phiên tòa.

3/ Chị N T M H, sinh năm 1984

Vắng mặt tại phiên tòa.

4/ Anh N V T, sinh năm 1986

Vắng mặt tại phiên tòa.

5/ Chị N T M, sinh năm 1988

Vắng mặt tại phiên tòa.

6/ Anh N V C L, sinh năm 1991

Vắng mặt tại phiên tòa.

7/ Anh N C L, sinh năm 1993

CMND số 352246396 do công an tỉnh An Giang cấp ngày 22-4-2010

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14-11-2022

Nơi cư trú: Tổ 02, ấp V L, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23-9-2021 quá trình tố tụng và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14-11-2022, nguyên đơn ông Đ D P trình bày: Do quen biết nhau, nên ông có bán vật tư nông nghiệp trả chậm theo mùa vụ cho ông N V T và bà Đ T S để ông T, bà S canh tác lúa trên diện tích khoảng 40 công. Bắt đầu từ năm 2018 cho đến nay ông T, bà S còn nợ ông tổng cộng là 976.215.000 đồng. Trong đó nợ tiền vật tư nông nghiệp là 746.215.000 đồng, nợ tiền mượn để mổ trị bệnh cho con là 230.000.000 đồng.

Ngày 19-8-2020, ông T, bà S có lập “Giấy nhận nợ” xác nhận có nợ ông 976.215.000 đồng, ông T, bà S cam kết sau khi bán được đất sẽ thanh toán đầy đủ; “Giấy nhận nợ” có ông T, bà S ký tên xác nhận nợ.

Ngày 03-4-2021, ông T, bà S có trả cho ông 202.215.000 đồng. Ông T, bà S còn nợ ông 774.000.000 đồng, trong đó nợ tiền vật tư nông nghiệp là 544.000.000 đồng, nợ tiền mượn là 230.000.000 đồng.

Qua tìm hiểu biết được ông T, bà S đã bán hết đất, nhưng không trả nợ cho ông.

Nay ông làm đơn khởi kiện yêu cầu tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét buộc bà Đ T S và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021 gồm có bà Đ T S, anh N V T, chị N T M H, anh N V T, chị N T M, anh N V C L, anh N C L có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền mua vật tư nông nghiệp và tiền mượn trị bệnh còn nợ là 774.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu tiếp tục duy trì quyết định áp

dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 01-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 1.450m², thuộc thửa đất số 975, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC 920560, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02247, do Sở Tài nguyên và môi trường An Giang cấp ngày 19-10-2021, đứng tên ông N V T, bà Đ T S. Đất tọa lạc xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang và phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 4.695m², thuộc thửa đất số 956, tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC 920565, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01489, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 19-10-2021, đứng tên ông N V T, bà Đ T S. Đất tọa lạc xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang; để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bà Đ T S và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021 cho ông.

Tờ tường trình ngày 8-10-2021, bị đơn ông N V T trình bày: Ông có mua vật tư nông nghiệp của ông Đ D P, sinh năm 1986 với số tiền qua các mùa vụ như sau:

- Hè thu năm 2019 ông có nợ 56.600.000 đồng;
- Mùa vụ 3 năm 2019 ông có nợ 17.700.000 đồng;
- Đông xuân 2019 – 2020 ông có nợ 56.300.000 đồng
- Mùa vụ 3 năm 2020 ông có nợ 17.100.000 đồng;
- Đông xuân 2020 – 2021 ông có nợ 53.400.000 đồng
- Năm 2013 ông có nợ số tiền 381.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 19-9-2022 và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14-11-2022, bị đơn bà Đ T S trình bày: Bà có cùng với chồng là ông N V T có mua vật tư nông nghiệp của Cửa hàng vật tư nông nghiệp U S do ông Đ D P, sinh năm 1986 làm chủ, để canh tác lúa trên diện tích khoảng 40 công. Bắt đầu từ năm 2018 cho đến nay. Quá trình mua vật tư nông nghiệp bà và ông T còn nợ ông P tổng cộng là 976.215.000 đồng. Trong đó nợ tiền vật tư nông nghiệp là 746.215.000 đồng, nợ tiền mượn để mổ trị bệnh cho con là 230.000.000 đồng.

Ngày 19-8-2020, ông T và bà có lập “Giấy nhận nợ” xác nhận có nợ ông P 976.215.000 đồng, ông T và bà cam kết sau khi bán được đất sẽ thanh toán đầy đủ; “Giấy nhận nợ” có ông T và bà ký tên xác nhận nợ.

Ngày 03-4-2021, ông T và bà có trả cho ông P 202.215.000 đồng. Ông T và bà còn nợ ông P 774.000.000 đồng, trong đó nợ tiền vật tư nông nghiệp là 544.000.000 đồng, nợ tiền mượn là 230.000.000 đồng.

Nay ông P khởi kiện yêu cầu bà và hàng thừa kế thứ nhất của ông T trả nợ. Bà xác nhận bà và ông T có nợ ông Phúc 774.000.000 đồng, trong đó nợ tiền vật tư nông nghiệp là 544.000.000 đồng, nợ tiền mượn là 230.000.000 đồng. Bà đồng ý trả nhưng xin được trả dần mỗi mùa lúa trả 20.000.000 đồng cho đến khi

hết nợ. Bà đồng ý tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 01-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 1.450m², thuộc thửa đất số 975, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC 920560, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02247, do Sở Tài nguyên và môi trường An Giang cấp ngày 19-10-2021, đứng tên ông N V T, bà Đ T S. Đất tọa lạc xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang và quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 4.695m², thuộc thửa đất số 956, tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC 920565, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01489, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 19-10-2021, đứng tên ông N V T, bà Đ T S. Đất tọa lạc xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang; để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bà và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021.

Tại biên bản hòa giải ngày 19-9-2022, Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021, anh N C L trình bày: Cha mẹ anh là ông N V T và bà Đ T S có mua vật tư nông nghiệp của Cửa hàng vật tư nông nghiệp U S do ông Đ D P, sinh năm 1986 làm chủ, để canh tác lúa trên diện tích khoảng 40 công. Bắt đầu từ năm 2018 cho đến nay. Quá trình mua vật tư nông nghiệp ông T, bà S còn nợ ông P tổng cộng là 976.215.000 đồng. Trong đó nợ tiền vật tư nông nghiệp là 746.215.000 đồng, nợ tiền mượn để mổ trị bệnh cho con là 230.000.000 đồng.

Ngày 19-8-2020, ông T, bà S có lập “Giấy nhận nợ” xác nhận có nợ ông P 976.215.000 đồng, ông T và bà S cam kết sau khi bán được đất sẽ thanh toán đầy đủ; “Giấy nhận nợ” có ông T và bà S ký tên xác nhận nợ.

Ngày 03-4-2021, ông T và bà S có trả cho ông Phúc 202.215.000 đồng. Ông T và bà S còn nợ ông P 774.000.000 đồng, trong đó nợ tiền vật tư nông nghiệp là 544.000.000 đồng, nợ tiền mượn là 230.000.000 đồng.

Nay ông P khởi kiện yêu cầu bà S và hàng thừa kế thứ nhất của ông T trả nợ. Anh xác nhận bà S và ông T có nợ ông P 774.000.000 đồng, trong đó nợ tiền vật tư nông nghiệp là 544.000.000 đồng, nợ tiền mượn là 230.000.000 đồng. Anh đồng ý cùng bà S và hàng thừa kế thứ nhất của ông T trả nợ cho ông P, nhưng xin được trả dần mỗi mùa lúa trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc đưa người tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021 và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có các anh N V T, chị N T M H, anh N V T, chị N T M, anh N V C L; nhưng anh T, chị H, anh T, chị M, anh L vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà S và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021 gồm có bà Đ T S, anh N V T, chị N T M H, anh N V T, chị N T M, anh N V C L, anh N C L có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ D P số tiền mua vật tư nông nghiệp và tiền mượn trị bệnh còn nợ là 774.000.000 đồng. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 01-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 1.450m², thuộc thửa đất số 975, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC 920560, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02247, do Sở Tài nguyên và môi trường An Giang cấp ngày 19-10-2021, đứng tên ông N V T, bà Đ T S. Đất tọa lạc xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang và phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 4.695m², thuộc thửa đất số 956, tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC 920565, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01489, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 19-10-2021, đứng tên ông N V T, bà Đ T S. Đất tọa lạc xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang; để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bà Đ T S và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021 cho ông Đ D P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn ông Đ D P; bị đơn bà Đ T S; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021 gồm có bà Đ T S, anh N V T, chị N T M H, anh N V T, chị N T M, anh N V C L, anh N C L. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Nguyên đơn ông P, bị đơn bà S, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà S, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn anh T, chị H, anh T, chị M, anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với nguyên đơn ông P; bị đơn bà S, người kế thừa quyền

và nghĩa vụ tổ tụng của bị đơn bà S, anh T, chị H, anh T, chị M, anh C L và anh L.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 23-9-2021 của nguyên đơn ông Đ D P, Tờ tường trình ngày 8-10-2021 của bị đơn ông N V T, Biên bản hòa giải ngày 19-9-2022. Đối chiếu quy định của pháp luật tại Điều 430 và Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp và tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ địa chỉ bị đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ “Giấy nhận nợ ngày 19-8-2020” do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận. Ngày 23-9-2021, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 429; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện (Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm).

[5] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự*:

Căn cứ “Giấy nhận nợ ngày 19-8-2020” do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận;

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 23-9-2021;

Căn cứ Tờ tường trình của ông N V T ngày 08-10-2021;

Căn cứ biên bản hòa giải ngày 19-9-2022,

Từ căn cứ trên có cơ sở kết luận, bắt đầu từ năm 2018 giữa nguyên đơn ông P và bị đơn ông T, bà S có xác lập giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp trả chậm theo mùa vụ để ông T, bà S canh tác lúa trên diện tích khoảng 40 công. Việc mua bán diễn ra tại xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang. Khi mua bán có lập chứng từ sổ sách ghi chép việc mua bán. Quá trình mua bán bị đơn còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn cũng như có mượn của nguyên đơn 230.000.000 đồng để mổ trị bệnh cho con. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều không tranh chấp hiệu lực giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp đã được xác lập cũng như giao dịch vay tài sản. Nguyên đơn trình bày bị đơn còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp là 544.000.000 đồng và tiền vay là 230.000.000 đồng. Bị đơn xác nhận còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp là 544.000.000 đồng, tiền vay là 230.000.000 đồng và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 774.000.000 đồng, yêu cầu trả dần mỗi mùa lúa trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ dẫn đến phát sinh tranh chấp. Do đó Hội đồng xét xử không xem

xét hiệu lực của giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp và giao dịch vay tài sản đã được xác lập giữa nguyên đơn và bị đơn.

[5.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[5.1.1] *Đối với yêu cầu trả lại tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ:* Nguyên đơn đã giao vật tư nông nghiệp đầy đủ cho bị đơn, bị đơn chưa thanh toán đủ tiền cho nguyên đơn. Xét quan hệ tranh chấp trên phía bị đơn là người có lỗi đã không thực hiện đúng giao kết là trả tiền mua vật tư nông nghiệp sau khi nhận hàng theo thỏa thuận. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 430, 433 và 440 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu của nguyên đơn được nhận lại số tiền bán vật tư nông nghiệp mà bị đơn còn nợ 544.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.1.2] *Đối với yêu cầu trả lại vốn vay:* Nguyên đơn đã giao cho bị đơn 230.000.000 đồng, bị đơn chưa trả lại cho nguyên đơn, bị đơn cam kết trả lại cho nguyên đơn vào ngày 19-8-2020. Xét quan hệ tranh chấp trên phía bị đơn là người có lỗi đã không thực hiện đúng giao kết là trả tiền đã mượn theo thỏa thuận. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 463, 465, 466 và Điều 469 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu của nguyên đơn được nhận lại số tiền bị đơn còn nợ 230.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.1.3] *Đối với yêu cầu tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:* Do buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn 774.000.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho việc thi hành án, tại phiên tòa bị đơn cũng đồng ý; nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho việc thi hành án là có cơ sở.

Đối với số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), ông P đã nộp vào tài khoản số 07013133033 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S G T T (Sacombank), chi nhánh tỉnh An Giang – Phòng Giao dịch C T theo quyết định buộc thực hiện bảo đảm số 06/2022/QĐ-BPBD ngày 01-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Do số tiền trên ông P nộp nhằm mục đích bồi thường thiệt hại trong trường hợp ông P yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng, gây thiệt hại cho người bị áp dụng hoặc người thứ ba. Yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của ông P là đúng quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận tiếp tục duy trì. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định hủy bỏ quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2022/QĐ-BPBD ngày 01-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Hoàn trả lại cho ông P 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh (nếu có) trong tài khoản

số 07013133033 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S G T T (Sacombank), chi nhánh tỉnh An Giang – Phòng Giao dịch C T, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5.2] *Xét yêu cầu của bị đơn bà Đ T S, yêu cầu được trả dần mỗi mùa lúa trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ:* Bị đơn bà S xin được trả dần không được nguyên đơn chấp nhận. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 430, 440, 463, 466 và 469 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu của bị đơn bà S không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do buộc bị đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn 774.000.000 đồng, nên bị đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải chịu 34.960.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn ông P; bị đơn bà S, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021, có bà S, anh T, chị H, anh T, chị M, anh C L, anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 429, 430, 434, 440, 463, 466, 469, 615 và Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ D P.

[2] Buộc bị đơn bà Đ T S và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021, có bà Đ T S, anh N V T, chị N T M H, anh N V T, chị N T M, anh N V C L, anh N C L phải trả cho nguyên đơn ông Đ D P số tiền còn nợ là 774.000.000đ (bảy trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021, có bà Đ T S, anh N V T, chị N T M H, anh N V T, chị N T M, anh N V C L, anh N C L chỉ có nghĩa vụ trả nợ không vượt quá giá trị kỹ phần được hưởng từ di sản thừa kế do ông N V T để lại.

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn tạm thời “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*”, quy định tại Điều 126 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 01-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; để bảo đảm cho nghĩa vụ thi hành án của bà Đ T S và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021 đối với ông Đ D P. Tài sản phong tỏa là quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 1.450m², thuộc thửa đất số 975, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC 920560, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02247, do Sở Tài nguyên và môi trường An Giang cấp ngày 19-10-2021, đứng tên ông N V T, bà Đ T S. Đất tọa lạc xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang và quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 4.695m², thuộc thửa đất số 956, tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC 920565, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01489, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 19-10-2021, đứng tên ông N V T, bà Đ T S. Đất tọa lạc xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang.

[5] Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2022/QĐ-BPBD ngày 01-7-2022, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Hoàn trả lại 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh (nếu có) trong tài khoản số 07013133033 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S G T T (Sacombank), chi nhánh tỉnh An Giang – Phòng Giao dịch C T; theo Quyết định buộc thực hiện bảo đảm số 06/2022/QĐ-BPBD ngày 01-7-2022, của Tòa án

nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cho ông Đ D P khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí:

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đ D P 17.480.000đ (mười bảy triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002742 ngày 24-9-2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn bà Đ T S và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021, có bà Đ T S, anh N V T, chị N T M H, anh N V T, chị N T M, anh N V C L, anh N C L phải chịu 34.960.000đ (ba mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Đ D P; bị đơn bà Đ T S; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông N V T, sinh năm 1959, chết ngày 09-11-2021, có bà Đ T S, anh N V T, chị N T M H, anh N V T, chị N T M, anh N V C L, anh N C L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà